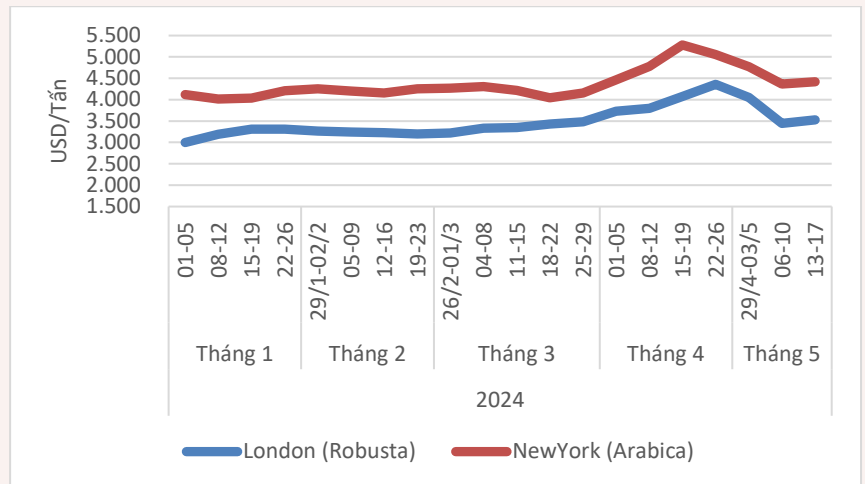




## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 3.528 USD/tấn, tăng 2,5% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 4.422 USD/tấn, tăng 1,5% so với tuần trước.
- ❖ Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024 tăng 4,8 so với niên vụ 2022/2023, đạt 171,4 triệu bao
- ❖ Theo USDA, niên vụ 2024/2025, sản lượng cà phê Mexico ước đạt 3,89 triệu bao
- ❖ Theo Hiệp hội Các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé), xuất khẩu cà phê của Brazil trong tháng 4/2024 đạt 3,9 triệu bao, tăng 63,18% so với cùng kỳ năm 2023.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 13 đến 17/05/2024, giá cà phê thế giới có xu hướng tăng trở lại sau 1 tuần giảm. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2024 tại thị trường London đạt 3.528 USD/tấn, tăng 2,5% so với tuần trước và tăng 36,7% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.663 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.402USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2024 bình quân đạt 4.422 USD/tấn, tăng 1,5% so với mức giá tuần trước và tăng 5% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.555 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.322 USD/tấn. [1]

Nguồn cung cà phê toàn cầu đang đối mặt với những khó khăn đáng kể: (1) lượng tồn kho cà phê tại Việt Nam hiện đang ở mức thấp; (2) hiện tượng La Nina có khả năng gây gián đoạn quá trình thu hoạch cà phê tại Brazil do mưa lớn. Do đó, giá cà phê thế giới trong tuần qua đã có xu hướng tăng trở lại.[2]

## MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

### Nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024.

USDA dự báo sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024 tăng 4,8 so với niên vụ 2022/2023, đạt 171,4 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica tăng 10,7%, đạt 97,3 triệu bao, nhưng sản lượng cà phê Robusta giảm 3,3%, còn 74,1 triệu bao.[2]

### Mexico

Theo USDA, niên vụ 2024/2025, sản lượng cà phê Mexico ước đạt 3,89 triệu bao tăng nhẹ so với niên vụ trước do giống cà phê được cải thiện và giá cà phê thuận lợi đã khuyến khích người dân mở rộng diện tích sản xuất. [3]

Tiêu thụ cà phê rang xay tại Mexico ước đạt 1,3 triệu bao trong niên vụ 2023/2024, không thay đổi nhiều so với niên vụ trước. [3]

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu chính của cà phê Mexico, với các sản phẩm là cà phê nhân, cà phê rang xay, và cà phê hòa tan. [3]

### Guatemala

Theo USDA đã điều chỉnh sản lượng ước tính cà phê của Guatemala trong niên vụ 2023/2024 đạt 3,26 triệu bao giảm 5,09% do tác động tiêu cực của El Niño. Bên cạnh đó, USDA cũng ước tính sản lượng cà phê của Guatemala trong niên vụ 2024/2025 sẽ ở mức 3,25 triệu bao và sản lượng và lượng tiêu thụ nội địa đạt khoảng 615 nghìn bao, tăng 4,16% so với niên vụ 2023/2024. [4]

### Brazil

Theo CecaFé, xuất khẩu cà phê của Brazil trong tháng 4/2024 đạt 3,9 triệu bao, tăng 63,18% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 3,22 triệu bao, tăng 40,1% so với tháng 4/2023 và xuất khẩu cà phê Robusta đạt 676,9 nghìn bao tăng 444,8%. [4]

Theo CecaFé, xuất khẩu cà phê nhân trong 10 tháng của niên vụ 2023/2024 (từ tháng 7/2023

đến tháng 6/2024) đạt 36,21 triệu bao, tăng 32,78% so với cùng kỳ niên vụ trước. Đây là mức xuất khẩu cao nhất vượt qua con số xuất khẩu kỷ lục trước đó trong mười tháng của niên vụ 2020/21 (36,17 triệu bao).[4]

### Ethiopia

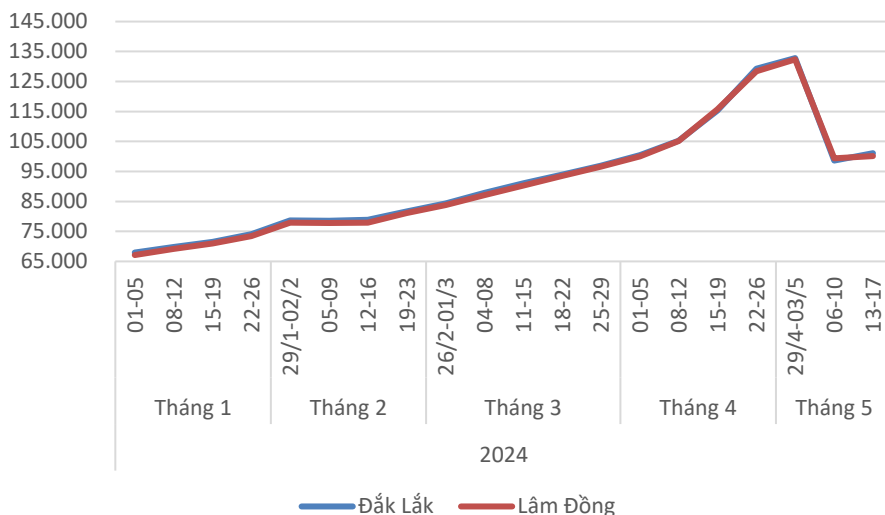
Theo Cơ quan Chè và Cà phê Ethiopia, xuất khẩu cà phê của Ethiopia trong 9 tháng năm của năm tài chính (từ tháng 7/2023 đến nay) đạt 174,6 nghìn tấn, trị giá 835 triệu USD. Saudi Arabia, Hàn Quốc, Mỹ, Đức và Nhật Bản là những thị trường xuất khẩu cà phê chính của Ethiopia trong những năm qua. [5]

Ethiopia là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất châu Phi và được coi là quê hương của sản xuất cà phê Arabica. Cà phê đóng vai trò quan trọng và được coi như là “xương sống” của nền kinh tế của nước này. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê của Ethiopia vẫn chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm thô chưa mang lại giá trị cao.[5]

## ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên đã tăng trở lại. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 101.903 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 100.100 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, trong 4 tháng đầu năm 2024, lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã đạt 737,8 nghìn tấn, trị giá 2,5 tỷ USD, tăng lần lượt là 2,8% về lượng và 53,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Tháng 4/2024, giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam đạt bình quân 3.768 USD/tấn, tăng 6% so với tháng trước và tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2023.
- ❖ NESCAFÉ Plan giúp giảm lượng phát thải khí nhà kính tới 30% trên 1 kg cà phê.

## THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

### Giá cà phê tại Tây Nguyên tăng trở lại tuần từ 13/05 đến 17/05/2024.

Trong tuần từ 06/05 đến 10/05/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ trở lại sau một tuần giảm mạnh, tăng hơn 1.500 VNĐ/kg so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 101.093 VNĐ/kg, tăng 1.600 VNĐ/kg, tương ứng tăng 1,67% so với tuần trước, và tăng 78,69% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 100.100 VNĐ/kg, tăng 1,52% so với tuần trước và tăng 78% so với cùng kỳ năm trước. [6]

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) giá cà phê trong nước tăng trở lại do nhu cầu cà phê trên thế giới được dự báo vẫn duy trì ở mức cao trong Quý II/2024 trong khi nguồn cung thế giới vẫn chưa được cải thiện.[7]

## MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

### Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam 4 tháng năm 2024.

Theo Tổng cục Hải quan, trong 4 tháng đầu năm 2024, lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã đạt 737,8 nghìn tấn, trị giá 2,5 tỷ USD, tăng lần lượt là 2,8% về lượng và 53,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, có xu hướng giảm về sản lượng xuất khẩu cà phê. Riêng trong tháng 4/2024, lượng xuất khẩu cà phê chỉ đạt 152,1 nghìn tấn, giảm 19,5% so với cùng kỳ năm trước.[8]

Đây tháng thứ 3 liên tiếp mà lượng xuất khẩu cà phê từ Việt Nam giảm, cho thấy dấu hiệu rõ ràng về việc nguồn cung trong vụ mùa hiện tại có thể đang giảm dần.[8]

Trong 7 tháng đầu niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2024), lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt hơn 1,1 triệu tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ niên vụ 2022/2023. Với kết quả này, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 65 - 70% trong tổng số sản lượng dự kiến vào khoảng 1,6 - 1,7 triệu tấn của niên vụ hiện tại.[8]

Về giá xuất khẩu, tháng 4/2024, giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam đạt bình quân 3.768 USD/tấn, tăng 6% so với tháng trước và tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 4 tháng đầu năm 2024, giá xuất khẩu tăng 49,1% lên mức bình quân 3.389 USD/tấn. [8]

### **Tăng cường sản xuất cà phê bền vững tại Việt Nam.**

Diễn đàn Cà phê toàn cầu (GCP) đang triển khai một số chương trình và hoạt động nhằm thúc đẩy sản xuất cà phê bền vững tại Việt Nam, trong đó có sáng kiến hợp tác về "Sử dụng vật tư nông nghiệp có trách nhiệm trong ngành cà phê Việt Nam". Mục tiêu của sáng kiến này là đưa ra các khuyến nghị và hướng dẫn cho người nông dân sử dụng hóa chất nông nghiệp có trách nhiệm và thân thiện với môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành cà phê tại Việt Nam.[9]

Ngày 8/5/2024, GCP đã tổ chức buổi Tọa đàm "Sử dụng vật tư nông nghiệp có trách nhiệm trong ngành cà phê Việt Nam" tại Đắk Nông, với sự tham gia của đại diện cơ quan cấp trung ương và tỉnh, các đơn vị liên quan trong ngành cà phê, các tổ chức quốc tế, nông dân, và các bên liên quan khác. Buổi tọa đàm này đã tập trung chia sẻ kinh nghiệm và kết quả của sáng kiến này, với mục tiêu cải thiện quản lý cỏ dại và sử dụng vật tư nông nghiệp có trách nhiệm. Đây là cơ hội để các bên liên quan trong ngành cà phê đề xuất giải pháp dài hạn đảm bảo sự bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. [9]

### **NESCAFÉ Plan giúp giảm lượng phát thải khí nhà kính tới 30% trên 1 kg cà phê.**

Chương trình NESCAFÉ Plan được Nestlé Việt Nam triển khai tại Tây Nguyên trên cơ sở hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nhằm hỗ trợ nông dân trồng cà phê thực hành nông nghiệp tái sinh.[10]

Tính đến nay, Chương trình đã tổ chức hơn 355.000 buổi tập huấn về canh tác cà phê bền vững cho nông dân, cung cấp cây giống cho trên 10.000 hộ nông dân mỗi năm, phân phối hơn 74 triệu cây giống cà phê chất lượng cao, kháng sâu bệnh và kháng hạn. [10]

Nhờ áp dụng phương pháp canh tác cà phê bền vững, chương trình giúp nông dân tiết kiệm đến 40% nước tưới, giảm 20% phân hóa học và thuốc trừ sâu, đồng thời tăng thu nhập từ 30-100%.[10]

Chương trình cũng đã xây dựng 274 nhóm nông dân, với hơn 30% là nữ nông dân đảm nhận vai trò trưởng nhóm, giúp họ được đào tạo chuyên môn và truyền đạt kiến thức, truyền cảm hứng cho cộng đồng nông dân về sản xuất nông nghiệp bền vững. [10]

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <https://www.investing.com/>
2. [tapchicongthuong.vn](http://tapchicongthuong.vn)
3. [Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ](http://BỘ NÔNG NGHIỆP HOA KỲ)
4. [iandmsmith.com](http://iandmsmith.com)
5. [bnews.vn](http://bnews.vn)
6. [Công tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên](http://CÔNG TÁC VIÊN CÀ PHÊ KHU VỰC TÂY NGUYÊN)
7. [tapchicongthuong.vn](http://tapchicongthuong.vn)
8. [Doanh Nghiệp & Kinh Doanh](http://Doanh Nghiệp & Kinh Doanh)
9. [nongnghiep.vn](http://nongnghiep.vn)
10. [nongnghiep.vn](http://nongnghiep.vn)

## Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
<b>LÂM ĐỒNG</b>	<b>100.000</b>	<b>99.000</b>	<b>100.700</b>	<b>99.900</b>	<b>100.900</b>	<b>100.100</b>	<b>1.500</b>
Di Linh	100.000	99.000	100.700	99.900	100.900	100.100	1.500
Lâm Hà	100.000	99.000	100.700	99.900	100.900	100.100	1.500
Bảo Lộc	100.000	99.000	100.700	99.900	100.900	100.100	1.500
<b>ĐẮK LẮK</b>	<b>100.933</b>	<b>99.933</b>	<b>101.733</b>	<b>100.933</b>	<b>101.933</b>	<b>101.093</b>	<b>1.660</b>
Cư M'gar	101.000	100.000	101.800	101.000	102.000	101.160	1.660
Ea H'leo	100.900	99.900	101.700	100.900	101.900	101.060	1.660
Buôn Hồ	100.900	99.900	101.700	100.900	101.900	101.060	1.660
<b>ĐẮK NÔNG</b>	<b>100.950</b>	<b>99.950</b>	<b>101.650</b>	<b>100.850</b>	<b>101.850</b>	<b>101.050</b>	<b>1.260</b>
Gia Nghĩa	101.000	100.000	101.700	100.900	101.900	101.100	1.260
Đắk R'lấp	100.900	99.900	101.600	100.800	101.800	101.000	1.260
<b>GIA LAI</b>	<b>100.433</b>	<b>99.433</b>	<b>101.133</b>	<b>100.333</b>	<b>101.433</b>	<b>100.553</b>	<b>1.967</b>
Chư Prông	100.500	99.500	101.200	100.400	101.500	100.620	1.980
Pleiku	100.400	99.400	101.100	100.300	101.400	100.520	1.960
La Grai	100.400	99.400	101.100	100.300	101.400	100.520	1.960
<b>KON TUM</b>	<b>100.500</b>	<b>99.500</b>	<b>101.100</b>	<b>100.300</b>	<b>101.500</b>	<b>100.580</b>	<b>1.800</b>
Đắk Hà	100.500	99.500	101.100	100.300	101.500	100.580	1.800

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn